

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 37

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay; cho thuê mặt bằng và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Phước Thành	Chủ tịch
Ông Trần Văn Bắc	Thành viên
Ông Tạ Long Hỷ	Thành viên
Bà Đặng Thị Lan Phương	Thành viên
Ông Trương Đình Quý	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Anh	Thành viên
Ông Trần Anh Minh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Thị Kim Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Tương	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Đặng Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Long Hỷ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Văn Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Phước Hoàng Mai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bảo Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thành Duy	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đặng Thị Lan Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

Số tham chiếu: 61059820/16997933-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Mai Viết Hùng Trân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 0048-2013-004-1



Tô Phượng Vũ
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2267-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		401.898.899.423	406.857.514.505
110	I. Tiền	4	288.084.077.587	208.554.172.466
111	1. Tiền		288.084.077.587	208.554.172.466
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.187.588.016	162.963.097.759
131	1. Phải thu khách hàng	5	64.165.839.254	53.484.606.018
132	2. Trả trước cho người bán		1.936.586.450	98.204.215.147
135	3. Các khoản phải thu khác	6	8.076.854.172	12.150.163.625
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(991.691.860)	(875.887.031)
140	III. Hàng tồn kho	7	5.434.437.875	5.166.247.563
141	1. Hàng tồn kho		5.434.437.875	5.166.247.563
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		35.192.795.945	30.173.996.717
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	24.322.135.691	19.430.949.802
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	360.955.216
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		64.725.351	71.272.181
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	10.805.934.903	10.310.819.518
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.033.622.079.089	1.609.580.553.776
220	I. Tài sản cố định		1.962.981.433.534	1.588.564.555.218
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.792.669.761.032	1.497.886.037.839
222	Nguyên giá		3.114.723.448.350	2.608.207.152.631
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.322.053.687.318)	(1.110.321.114.792)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	170.218.283.581	90.178.019.836
225	Nguyên giá		222.760.543.383	115.295.165.613
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.542.259.802)	(25.117.145.777)
227	3. Tài sản vô hình	12	93.388.921	399.266.243
228	Nguyên giá		1.218.289.000	1.168.289.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.124.900.079)	(769.022.757)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	101.231.300
240	II. Bất động sản đầu tư	13	8.490.900.000	11.569.834.250
241	1. Nguyên giá		8.490.900.000	11.569.834.250
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
258	1. Đầu tư dài hạn khác		-	1.500.000.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		-	(1.500.000.000)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		62.149.745.555	9.446.164.308
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	60.531.845.555	8.531.164.308
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.100.000.000	440.000.000
268	3. Tài sản dài hạn khác		517.900.000	475.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.435.520.978.512	2.016.438.068.281


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2014


VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.133.242.092.848	858.197.948.769
310	I. Nợ ngắn hạn		533.347.544.453	463.038.173.771
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		287.587.983.547	224.730.302.577
	Trong đó:			
	- Nợ dài hạn đến hạn phải trả	19	287.587.983.547	224.730.302.577
312	2. Phải trả người bán		19.907.793.316	21.856.034.006
313	3. Người mua trả tiền trước	15	5.616.859.403	6.478.796.518
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	50.624.564.000	43.947.511.970
315	5. Phải trả người lao động		52.019.887.473	36.720.909.950
316	6. Chi phí phải trả		14.497.561	2.054.821.963
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	78.032.413.495	102.466.525.447
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		39.543.545.658	24.783.271.340
330	II. Nợ dài hạn		599.894.548.395	395.159.774.998
333	1. Phải trả dài hạn khác	18	150.241.456.869	124.332.332.176
334	2. Vay và nợ dài hạn	19	448.914.696.755	270.266.307.361
338	3. Doanh thu chưa thực hiện		738.394.771	561.135.461
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.296.535.565.980	1.153.446.987.822
410	I. Vốn chủ sở hữu	20.1	1.296.535.565.980	1.153.446.987.822
411	1. Vốn cổ phần		565.495.160.000	434.998.180.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		200.026.023.110	330.523.003.110
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		116.333.042.969	85.888.844.655
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		59.966.521.484	44.744.422.327
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		354.714.818.417	257.292.537.730
439	C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		5.743.319.684	4.793.131.690
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.435.520.978.512	2.016.438.068.281

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ - Đô la Mỹ (US\$)	17.959	5.229


Võ Thị Minh Thư
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	3.770.229.256.389	3.158.061.820.850
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22, 25	(3.141.541.191.052)	(2.621.813.502.306)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		628.688.065.337	536.248.318.544
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	7.700.361.176	869.718.489
22	5. Chi phí tài chính	23	(64.527.218.877)	(65.599.886.913)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	23	(64.526.293.336)	(65.959.185.078)
24	6. Chi phí bán hàng	25	(150.732.428.993)	(129.035.787.568)
25	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(103.039.851.475)	(85.884.268.203)
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		318.088.927.168	256.598.094.349
31	9. Thu nhập khác	24	116.422.459.526	59.695.534.022
32	10. Chi phí khác	24	(25.998.348.136)	(14.247.056.840)
40	11. Lợi nhuận khác	24	90.424.111.390	45.448.477.182
50	12. Tổng lợi nhuận trước thuế		408.513.038.558	302.046.571.531
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(95.229.175.481)	(78.030.939.679)
52	14. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	26.3	660.000.000	440.000.000
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		313.943.863.077	224.455.631.852
61	Trong đó:			
	- Lợi ích của các cổ đông thiểu số		950.187.994	712.283.141
62	- Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		312.993.675.083	223.743.348.711
70	16. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	20.4		4.139




Võ Thị Minh Thư
Người lập


Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng


Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		408.513.038.558	302.046.571.531
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11, 12	390.176.594.717	319.472.121.363
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(1.384.195.171)	(136.741.412)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(94.766.786.922)	(44.103.712.506)
06	Chi phí lãi vay	23	64.526.293.336	65.959.185.078
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		767.064.944.518	643.237.424.054
09	Giảm các khoản phải thu		89.673.565.817	9.755.593.872
10	Tăng hàng tồn kho		(268.190.312)	(875.190.610)
11	Tăng các khoản phải trả		18.414.605.860	13.992.323.450
12	Tăng chi phí trả trước		(56.891.867.136)	(860.545.450)
13	Tiền lãi vay đã trả		(64.074.185.647)	(64.324.144.044)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(88.215.880.686)	(76.116.878.038)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		22.909.124.693	16.793.942.936
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.230.164.849)	(29.080.171.072)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		646.381.952.258	512.522.355.098
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(786.668.208.631)	(395.517.996.477)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	24	112.318.181.852	56.874.090.893
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.500.000.000	900.000.000
27	Lãi tiền gửi nhận được	21.2	7.696.674.278	869.204.631
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(665.153.352.501)	(336.874.700.953)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	135.000.000.000
33	Tiền vay nhận được		542.146.700.000	323.959.307.841
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(259.191.236.893)	(406.037.832.240)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(41.449.392.743)	(18.340.950.655)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ	20.2	(143.204.765.000)	(29.971.587.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		98.301.305.364	4.608.937.946

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền thuần trong năm		79.529.905.121	180.256.592.091
60	Tiền đầu năm		208.554.172.466	28.297.580.375
70	Tiền cuối năm	4	288.084.077.587	208.554.172.466



Võ Thi Minh Thu
Người lập



Đặng Hoàng Sang
Kế toán trưởng



Đặng Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001723, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 17 tháng 7 năm 2003, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép niêm yết số 81/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 7 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 648, Đường Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có một công ty con, Công ty Cổ phần Ánh Dương Xanh Việt Nam ("ADX"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401378832 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp vào ngày 10 tháng 9 năm 2010, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Trụ sở chính của ADX đặt tại số 277, Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phê duyệt phát hành.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Nhóm Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải hành khách bằng xe taxi và kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; kinh doanh dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế; đại lý bán vé máy bay và cho thuê mặt bằng.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là: 15.990 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 14.214).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Nhóm Công ty là VNĐ.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hạch toán công cụ, dụng cụ với chi phí mua được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.